

SỐ 1797

ĐẠI TỖ-LÔ-GIÁ-NA KINH CÚNG DƯỜNG THỨ ĐỆ PHÁP SỞ

Thích Bất Khả Tư Nghị vị tăng Chùa Linh Diệu soạn.

QUYỂN THƯỢNG

*Đảnh lễ Phật Tỳ-lô-giá-na
Pháp Duyên khởi thật tướng pháp trí
Bậc Thánh Diệu Âm A-xà-lê
Rũ ân giúp chứng biến pháp tánh.*

PHẨM THỨ NHẤT

Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật thân biến gia trì Kinh cúng dường
thứ đệ Pháp chân ngôn hành học xứ thứ nhất.

Cách giải thích Kinh này chia làm bốn phần:

- I. Nói về đại ý.
- II. Nói lý do.
- III. Giải thích đề mục.
- IV. Giải thích theo văn.

I. Nói về đại ý:

Xét rằng, chân tánh vốn chí lý, xa lìa ngôn ngữ, bật dứt hình tướng, ứng cơ thị hiện, không tướng thì chẳng hiển. Cái gọi là tự môn A v.v... nghĩa lý nhiệm mầu sáng tỏ. Nay kinh này lý chứa đựng trong lời, ý hoàn toàn ngoài văn, vì thế nhờ thần lực che chở Như Lai hợp với Bí-Ấn và chân ngôn. Do vậy, nếu không thọ học với thầy thì cấm vào môn kia.

Chẳng phải người truyền trao bữa bái, không những thế mà nếu, chưa qua quán đánh thì bị cấm không được nghe. Nếu người được thấy nghe, đánh lễ thì diệt trừ tội lỗi nhiều như cát sông Hằng, nếu người nào tu hành đúng như lời Phật dạy thì biển công đức nhóm họp ở trong thân .

II. Nói lý do:

Xưa, ở nước Trung Thiên Trúc, nhà vua có bốn người con, khi vua nước ấy sắp băng thì Hoàng Hậu tâu rằng: Tâu Đại Vương! nếu sau khi Đại Vương băng thì người con nào sẽ lên kế vị? Vua liền đáp: Thái tử út có khả năng kế vị. Sau khi vua cha băng, đại thần trăm liêu thấy đều nhóm họp thưa hỏi di chế, Hoàng hậu liền trả lời như lời nhà Vua lúc sắp qua đời. Bấy giờ Vương Hậu và các người anh cùng các đại thần v.v... thỉnh Thái tử út lên kế vị ngôi vua. Người con út đáp rằng: Con có thệ nguyện xuất gia học đạo mong giúp đỡ muôn loài, không thể lên nối ngôi vua. Mẫu Hậu v.v... hai ba lần nói lại di ngôn của vua cha. Thái tử út từ chối như trước, sau ba lần thỉnh bắt buộc Thái tử phải nối ngôi vua, Thái tử út không dám trái lệch. Sau khi lên ngôi vua lại suy nghĩ: Ta ở nước này không được xuất gia, đi ta làm Hoàng hậu ở nước lân cận nên đến giao gởi chắc sẽ được xuất gia. Nghĩ đoạn, Thái tử liền tìm cách trốn đến nước kia, đến biên giới, có lính canh giữ (biên giới) hỏi rằng, ông là ai? Thái tử trả lời: Ta là vua nước Trung Thiên Trúc. Lính giữ biên giới hỏi: nếu là vua sao lại một mình đến đây? Đáp rằng: Ta vốn muốn được xuất gia học đạo, nếu trụ lâu tại nước mình sẽ không được xuất gia, Ta rất muốn xuất gia học đạo. Lính giữ biên giới liền sai sứ giả đem tin về tâu, Vương hậu nghe xong liền sai người đến đón. Thái tử thấy Vương hậu liền quỳ xuống trình bày chí nguyện. Vương hậu nghe nói thương khóc rơi lệ, lo buồn thương cảm, một hồi lâu mới nói: Con là giòng dõi vua chúa, cháu của vua Tịnh Phạn, cháu họ của Thích-ca Như Lai. Ta nghe Đức Thích-ca bỏ ngôi vua vượt thành nhập đạo mới thành Chánh Giác, thiên hạ khó bỏ, chỉ bỏ ngôi báu. Con giống Đức Thích-ca Như Lai bỏ ngôi vua, phát thệ nguyện rộng lớn, sẽ được thành Phật, từ nay về sau đối với dân chúng, ôm bát khát thực, đạm bạc giữ gìn trai giới, thật đáng thương xót. Nhưng điều mong ước của bậc Đại trượng phu hết lòng thệ nguyện, không biết làm sao. Liền cho xuất gia, thỉnh được pháp sư cao đức trong nước, làm đệ tử xuất gia học hỏi. Thái tử bảm tánh thông minh, hễ nghe qua liền lãnh hội tông mầu; hỏi han so sánh biết được trăm ngàn, tuy học không nhiều năm, nhưng thông đạt tất cả. Vì thế vị Pháp sư từ chối rằng, con đã hiểu biết cả rồi không còn gì để giảng nói. Ta nghe nước kia có bậc Hiền Thánh, Đại đức, nên đến

đó mà học!. Thái Tử vâng lời dạy, lạy tạ mà lui, đi đến chỗ Hiền Sư, tu học như trước, trải qua hơn năm mươi nước, đến Bắc Thiên Trúc, có một ngôi thành tên Càn-đàn-la, vua nước ấy nương nhờ Hòa-thượng thọ pháp tụng niệm. Kinh ấy văn rộng nghĩa sâu không thể tìm pháp cúng dường theo thứ lớp một cách vừa ý, nên xin Hòa thượng chỉ dạy phương pháp cúng dường. Hòa thượng nhận lời, ở bên cạnh ngôi tháp do vua Kim Túc xây dựng, cầu Thánh che chở. Pháp cúng dường này bỗng hiện ra giữa không trung, chữ vàng sáng rực. Hòa-thượng đọc qua một biến ghi chép rõ ràng, ngửa mặt lên hư không nói rằng, ai đã làm ra như thế? Đáp ta đã làm ra. Hỏi: ta là ai? Đáp ta là Văn-thù-sư-lợi, liền bảo người ghi chép ngay, rồi dâng vua kia một bản, tự chép một bản mang theo trên đường đi truyền bá khắp bốn phương. Cái gọi là Tiểu Tử, hiệu của Ngài là HòaThượng Tam Tạng Thiện Vô Úy, tức là Tiểu tăng Bất Khả Tư Nghì nhiều may mắn, trực tiếp thưa hỏi Hòa- thượng pháp yếu được nghe phần văn thì ghi chép lại phần ấy.

III. Giải thích đề mục:

Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật thân biến gia trì Kinh cúng dường thứ đệ pháp chân ngôn hành học xứ phẩm thứ nhất:

- Đại: nghĩa là không bờ mé.
- Tỳ-lô-giá-na: Tức là mặt trời; có chỗ nói là mặt trời trí tuệ.
- Thành Phật: là nghĩa chứng Chánh giác Chánh trí.
- Thân biến gia trì: Tức là thân lực che chở.
- Kinh: nghĩa là sâu suốt, khâu kết có công năng giải thích những

điều này.

- Cúng dường: Tức là lý, sự cúng dường. Lý: là hiểu lý nhập chứng, đó gọi là lý cúng dường, về sự: là hết lòng gắng sức sắm sửa hương hoa cúng dường biến Phật, đó gọi là sự cúng dường.

- Thứ đệ: Là theo thứ lớp trước sau để lễ bái và lui ra.

- Pháp nghĩa là phép tắc.

- Chân ngôn: để phân biệt với luồng đối.

- Hành học: Là học hiểu được và hành chân ngôn.

- Xứ: Tức là bốn thứ: 1. Như pháp giới tư tánh; 2. Giáo bản; 3.

Truyền Giáo Sư; 4. Diệu sơn phụ phong v.v...

- Phẩm: là phẩm loại.

- Thứ nhất: Pháp này có năm phẩm, đây là phẩm đầu nên nói thứ nhất.

Vì thế nói là: “Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật thân biến gia trì kinh cúng dường thứ đệ pháp chân ngôn hành học xứ phẩm thứ nhất”.

IV. Giải thích theo văn:

Trong đây có ba phần: Phần tựa, phần Chánh tông và Lưu thông. Phẩm thứ nhất là Tựa, ba phẩm kế tiếp là Chánh thuyết, một phẩm sau cùng là Lưu thông. Trong phần Tựa, trước tiên có hai bài tụng, là lời tựa quy kính, khuyên kính “tín”, nhưng, sau phần đầu tiên là tựa tinh tấn tu hành. Trong tựa đầu có bốn môn: Hai câu giữa của bài kệ đầu: là môn kính, chủ khen đức; hai câu tiếp theo là môn nương kính hiển bày; hai câu tiếp đến là môn thành tựu pháp được lợi ích, hai câu kế tiếp là môn khế hiệp bốn kết thúc giảng nói. Tỳ-lô-giá-na, Hán dịch là Nhật (mặt trời); Khai phủ tinh nhân: là mở ngộ lý mâu; Sở tư: là các bản tôn; Chúng nghi quỹ là các ấn chân ngôn...; Vi thành thứ đệ: là lễ bái, lui ra ; Như bỉ: là kính trọng mặt trời trí tuệ; Nay con một câu: là kết ý từ trước đến đây. Trong bài Tựa tinh cần tu hành chia làm sáu môn: 1. Trọn bài kệ đầu là thành tựu tín giải môn; 2. Nửa bài kệ là khuyên tín Tam bảo môn; 3. Hữu tình tín hiểu về sau hai mươi lăm bài kệ là khuyên thực hành Chế giới môn; 4. Một bài kệ nương chính trụ này Y chánh giới trọng cấm môn; 5. Một bài kệ diệu chân ngôn môn là giác tâm được Lợi ích môn; 6. Mười bài kệ, “từ muốn ” trở xuống là một đời Thành phật môn.

Căn cứ vào đoạn thứ nhất:

- Nhiên sơ tự tha lợi thành tựu: là nêu lên quả đã thành tựu.
- Phương tiện Vô thượng trí nguyện: là nói về trí năng thành.
- Thành bỉ: là chỉ quả đã chứng.
- Phát khởi v.v... là nêu quả bày nhân.

Y theo đoạn thứ hai:

- Hai câu, đối với mẫn tất-địa các thắng nguyện v.v... tiêu biểu chung cho hai bảo Phật bảo, Tăng bảo.
- Một bài kệ đẳng đẳng kia: là giải thích riêng.
- Chân ngôn hình: Tức là chữ chân ngôn đã trang nghiêm thân kia.
- Sở trụ chủng chủng ấn oai nghi: nói về ấn và năm nghiêng hông phải.
- Sở hành đạo: Tức là như tự tánh pháp giới.
- Phương Quảng Thừa: là Kinh Đại Nhật.

Trên đã nói rõ tin Tam bảo xong.

Hỏi: Quy kính Tam bảo trong đây và quy kính Phật bảo trong phần đầu, nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Phần đầu là hiển bày Bồ-tát Văn-thù tự tôn kính. Trong đây

thì nói phép tắc người đời sau tu hành.

Hỏi: Văn-thù có tôn kính Tam Bảo không?

Đáp: Quy kính.

Cái gọi là, ta nương kính Đại Nhật tức là kính Pháp, không khinh thân mình là kính tăng. Như vậy có thể biết được đồng thể Tam bảo.

Y cứ vào đoạn thứ ba:

- Hữu tình tin hiểu thượng, trung, hạ: tức là chúng sanh trong sáu đường.

- Nếu đối với đấng Tối thắng v.v... là chỉ cho kinh Đại Nhật ở trước.

- Điều phục hành giả: là không phạm Tam-muội-da.

- Biệt luật nghi: Nghĩa là kinh Đại Nhật.

- Cụ duyên chúng chi phần: nghĩa là sửa chữa, xây dựng các đạo tràng.

- Nhất tâm trú: một lòng hướng về Thầy.

- Tam-muội-da: là nói bốn thế bình đẳng v.v...

- Đạo tràng: tức là đàn tràng nhiệm mầu tròn đầy.

- Giáo bản: là kinh Tỳ-lô-giá-na.

- Đích thân đến tôn sở: là vị thầy làm quán đảnh.

- Được Tam-muội-da tốt đẹp, và người đã được truyền thọ pháp quán đảnh có được.

- Nhiếp chánh chân ngôn bình đẳng hành: nghĩa là đối với lý vốn bất sanh, trong tâm yên ổn bất động.

- Nhập chân ngôn tối thượng thừa này: nghĩa là người nhập vào thì hiểu.

- Tối thượng thừa: là lý tự thể mà Tỳ-lô-giá-na đã chứng.

- Mật hạnh: là hành giả thực hành chân ngôn.

- Quĩ phạm: tức là A-xà-lê...

- Các công đức rộng lớn: Quĩ phạm là biển lớn công đức. Biển lớn công đức trụ ở thân kia. Vì sao? Kinh chép: Nếu muốn thấy Phật lễ bái, hoặc muốn cúng dường Phật, lễ bái cúng dường thì người này không khác với Phật. Vì sao không khác? Vì năm thứ chân ngôn tâm và ấn... trang nghiêm thân ấy.

- Khế kinh: là chỉ cho kinh Tỳ-lô-giá-na.

- Không gì hơn sân: như Kinh Hoa nghiêm có nói rộng.

- Tịnh tâm Bồ-đề: tức là chân ngôn.

- Có tâm nhãn nhục, không nhìn thấy lỗi: là điều khó nhẫn trong pháp nhẫn của thế gian.

- Chỉ có quên ân đức: cho nên khuyến khích cố gắng nhẫn.
- Sĩ: là chờ đợi.
- Cái gọi là đợi thời: Chính là khi muốn tu chân ngôn tam-muội.
- Bỗng có đàn việt thỉnh giảng nói: tức nói rằng dạy con tu tam-muội, sau đó giảng thuyết, nói cho ông nghe, lúc bấy giờ thì không thể.
- Pháp Thanh bạch thuần tịnh: ở trong lý thể thường có được hằng sa tánh công đức vô lậu và bố thí v.v... các độ môn.
- Do các thứ rượu: nghĩa là rượu này là gốc của sự buông lung, nếu uống vào thì tán loạn chánh định.
- Tăng ngã mạn: là thêm lớn vọng chấp, vọng chấp sâu dày thì tu tập thiền định càng khó.
- Nay, con v.v... là than lời sơ lược mà nghĩa sâu kín.
- Khiến rộng biết giải sanh quyết định: nghĩa là khen ngợi lợi ích học rộng.
- Từ trước đến đây nói sơ lược về giới, định, tuệ đã xong.
- Trong đoạn thứ tư: nương chánh trú bình đẳng giới này.
- Chánh trụ bình đẳng giới: là trụ tâm tánh giới, không khởi tâm giữ giới. Trước đã nói về đức, ở đây là nhân cấm phạm.
- Trong đoạn thứ năm, diệu chân ngôn môn giác tâm, đẳng tương ưng ấy có hai, trước quán bốn tôn, quán bốn tôn thành thực rồi thì tự thân làm bốn tôn, tâm này không tán loạn nói là tương ưng; người trí ngộ vốn bất sanh.
- Trong đoạn thứ sáu nói về pháp tức chân ngôn.
- Hai câu: người trí được thấy... là kết thúc phần trước, sanh khởi phần sau.
- Ba bài kệ rưới từ Diệu sơn phụ phong trở xuống: là chỉ chỗ nương của người tu tập. Trong Diệu sơn Phụ phong có bốn chỗ, mỗi chỗ đều có biểu chế.
- Diệu Sơn: là tên núi Diệu Cao.
- Phụ phong: là ngọn núi ở trong lòng ngọn núi lớn có thể ở an ổn.
- Giữa khe núi: Tức là giữa vách đá có hang ở được.
- Khám: có ba thứ: 1. Khám nhà; 2. Khám đất; 3. Khám đá. Nghĩa là giống như cái hang nhưng có an thờ tượng gọi là khám.
- Quạt: là hang đá.
- Giữa hai núi: là ở những chỗ suối đá trong sạch tu hành an ổn.
- Kị: là trái ấu, hà là cây sen.

- Kinh xuyên: là thường chảy nước không cạn.
 - Châu: là chỗ ở giữa nước, có thể ở được.
 - Ngạn: là một bên, nghĩa là bên bờ sông, trong sạch có thể ở để tu đạo.

Một câu kệ: Bây giờ có thể xa lìa chỗ không thích hợp, trong lòng rối loạn không yên tĩnh, nghĩa là bị người, vật làm cho rối loạn ồn ào.

Kế là nói chỗ cỏ cây, rừng cây:

- Phò sơ: là dáng cây cỏ tốt đẹp, chỗ rừng rậm yên lặng có thể ở để tu hành.

- Nhũ mộc: là cây dâu, cây lúa.

- Tường thảo: tức là cỏ tranh màu vàng ở đất này.

- Hai câu kệ : nói rõ kia có thể hay không.

Kế là nói nơi chùa, tháp:

- Luyện nhã: có ba: 1. Đạt-ma; 2. Đàn-đà-già; 3. Ma-đăng-già.

- Đạt-ma: là đạo tràng Bồ-đề.

- Đàn-đà-già: là chỗ sạch, không dơ bẩn, hôi hám.

- Ma-đăng-già: là chỗ không ồn ào náo động.

- Điều trong đây nói: là y cứ theo Ma-đăng-già.

- Một câu kệ là: phân biệt rõ ràng có thể hay không, chủ yếu là việc.

- Năm dục: sắc, thanh, hương, vị, xúc.

- Các cái triền: là năm cái: Tham sân, hôn trầm, thù miên, trạo cử, và tán loạn.

- Tất-địa: là thành tựu, cũng gọi là thành Bồ-đề.

- Nói tịnh mạng: là hạnh ưa muốn biết đủ.

Tiếng Hồ là Đầu-đà, gồm có mười sáu thứ: Kinh, Luận có chỗ nói, có chỗ không nói cho nên nói mười hai; mười sáu thứ ấy là: y có bốn thứ, ăn có sáu thứ và ở có sáu chỗ.

- Y có bốn thứ: là mặc y phần tảo, mặc áo lông thú, mặc nạp y và chứa ba y.

- Y phần tảo: tức là vải bị lửa cháy vải, trâu nhai vải, chuột gặm vải liệm, người chết... những thứ vải như thế người nước ngoài ném bỏ chỗ hoang vắng hoặc ngõ hẻm, đồng với rác rưởi nên gọi là phần tảo, hành giả lượm lấy giặt nhuộm may sửa để cung cấp cho thân thể.

Hỏi: Vì sao chỉ thọ y này? Có ba phẩm: Phẩm dưới: để nuôi sống mà mua bán các thứ tà mạng mà được y phục. Phẩm giữa: là xa lìa lỗi thọ tăng y và việt thí ở trước. Phẩm trên: không thọ Tăng, việt, chỉ thọ phần tảo của đàn việt.

Vì sao không thọ Tăng mà thọ y này? Tăng pháp phải cùng Tăng sự quyết đoán lý, trừng phạt làm cho khách tăng dứt việc loạn tâm bỏ đạo.

Vì sao không thọ đàn việt? Nếu thọ đàn việt vì y mà tìm cầu nhiều thì rơi vào tà mạng, lại sẽ khiến thân sanh đấm trước khó được giải thoát, lại bị nghiêng về chỗ thân không được bền sơ, chướng ngại sự cảm hóa, lại được nhiều sanh kiêu mạn, được ít thì trách oán. Người vô tri không hiểu ruộng phước nên cúng dường hay không cúng dường, hoặc tự xem thường hổ thẹn mà sanh lo buồn hối hận; lại thường đi thì bỏ đạo, không đi thì oán giận; lại ghen ghét người tốt, gièm chê người lương thiện, không muốn đến gặp họ; nhiều lỗi như thế, cho nên không thọ việt thí y.

Vì sao chỉ thọ phần tảo? Bởi vì ít việc, thêm lớn đạo nghiệp, lìa lỗi, không tội, cho nên chỉ thọ y ấy.

- Nói tầm y: là mùa ầm thấp sẵn tìm hết lông nhỏ của chim, nếu người tu hành không có y phần tảo thì có thể dùng thứ này làm y.

- Nói nạp y: vải rách xấu cũ mục, chấp vá cung cấp thân thể, không mặc áo tốt. Vì sao? Nếu tìm cầu áo đẹp thì sanh phiền não đến nỗi mắc tội, hao tổn công sức, phế bỏ đạo nghiệp; lại nữa, áo đẹp làm cho người chưa đắc đạo sanh tâm tham đắm; lại ở chỗ hoang vắng có rất nhiều cướp bóc, hoặc đến nỗi mất mạng.

- Nói ba y: là y năm điều, y bảy điều, và y lớn (đại y). Những bậc thượng hạnh chỉ thọ ba y này, không chứa cất y dư. Vì sao? Vì cư sĩ chứa để nhiều thứ y phục; ngoại đạo tu khổ hạnh lỏa thể không biết hổ thẹn. Phật ở Trung đạo xa lìa hai bên, vì thế chỉ cho cất chứa ba y, lại cất nhiều y phí công phế đạo, cất ít thì không xong việc cho nên cất ba y như thế, ba y cung cấp đầy đủ cho thân làm việc. Nếu làm các việc lặt vặt, qua lại thì đắp y năm điều, làm việc lành nên đắp y bảy điều; giáo hóa nhiếp độ người đời khiến họ kính tin phải đắp đại y. Lại nữa, ở chỗ vắng thì đắp y năm điều, khi vào trong Chúng tăng đắp y bảy điều, nếu đi đến những nơi như cung vua, xóm làng thì phải đắp đại y. Lại khi nóng lạnh điều hòa đắp y năm điều, khi trời đông lạnh nên đắp thêm y bảy điều, quá lạnh khẩn cấp thì đắp thêm đại y. Nguyên nhân là vào một lúc mùa đông, đến nửa đêm trời quá lạnh, nên Như Lai trong đêm chia thời gian đầu đêm đắp y năm điều, đến nửa đêm trời chuyển lạnh đắp thêm y bảy điều, vào lúc gần sáng trời lạnh chuyển lạnh đắp thêm đại y; Đức Phật liền nghĩ: Trong đời tương lai các người thiện nam không chịu nổi các khổ hạnh của lạnh thì có thể dùng ba y này đủ để

che thân. Vì có nhiều nghĩa như vậy, cho nên được chứa ba y.

Trong thực có sáu: Đó là 1. Khất thực, 2. Thứ lớp khất thực; 3. Bất thực hành pháp dư thực mà ăn; 4. Nhất tọa thực; 5. Nhất sủy thực, cũng gọi là Tiết lượng thực; 6. Không uống nước trái cây ép sau giờ ngọ.

- Khất thực: người tu hành có ba hạng: hạ, trung, thượng. Hạng hạ, tuy là xuất gia nhưng buông lung tự nuôi sống bằng cách tà mạng, biết nhiều phép thuật, làm các việc khéo léo tà mạng tự nuôi sống. Hạng trung: lìa bỏ lỗi trước, nhưng thọ tăng thực và đàn việt thỉnh. Hạng thượng: không thọ tăng thực và việt thỉnh thực mà chỉ đi khất thực. Vì sao không thọ Tăng và việt thỉnh? Vì lỗi đồng như trước. Vì sao mà chuyên đi khất thực? Có chỗ nói có hai: 1. Tự mình xem xét việc tu đạo; 2. Vì người khác làm phước lợi cho đời.

- Thứ lớp khất thực: Thông thường cũng thực hành khất thực, khi khất thực biểu dương sự xa lìa lỗi nghiêng lệch. Nói riêng thì người phạm ngu tham vị mà bỏ nghèo theo giàu. Người Tiểu hạnh lòng từ bi hẹp hòi bỏ giàu theo nghèo. Bậc thượng hạnh thì lìa tham bỏ hẹp hòi, có lòng từ bình đẳng đối với chúng sanh, không phân biệt sang hèn mà theo thứ lớp khất thực bình đẳng.

- Nói không thực hành pháp thực ăn dư mà ăn: Trong luật nói: Có người tuy theo thứ lớp khất thực, vật xin thường được chánh thực, pháp dư thực thường thường ăn. Người tu hành nghĩ rằng pháp dư thực này, Thế tôn khai ra cho người bệnh, nay ta không bị bệnh không nên thọ, vì thế không làm pháp dư thực. Thông thường thì thuộc về “nhất tọa thực”, do đó trong kinh luận phần nhiều không nói riêng. Trong luật nói riêng: nhất tọa thực kia không phải ở trước ngọ ăn các tiểu thực khác (trước bữa ăn chính còn có bữa ăn điểm tâm). Đây là y cứ xa lìa, thường dùng chánh thực, có sự khác nhau này, cho nên nói riêng.

- Nhất tọa thực: Có người tuy không phải thường thường ăn, nhưng trước giờ ngọ thường ăn các thứ như bánh, trái cây, cháo v.v... người hành đạo nên nghĩ rằng, người ngu nuôi thân thường thọ (thức ăn) để nuôi thân nên phiền não thêm lớn, nay ta vì đạo không phải vì nuôi thân, là phá phiền não không phải để kết thêm, cho nên chỉ thọ ăn một bữa, lại nghĩ vì cầu ăn một bữa đã là chướng đạo, huống gì cầu ăn nhiều, vì thế chỉ thọ nhất thực, lại quán xét ăn cơm của thí chủ ứn tâm cúng dường, ăn một bữa còn không thể tiêu, huống gì ăn nhiều bữa, do đó chỉ thọ một bữa.

- Nhất sủy thực: Trong kinh cũng gọi là Tiết lượng thực: Chỉ thọ nhất thực thôi gọi là Nhất sủy thực; tiết kiệm ăn ít gọi là Tiết lượng

thực, hướng gì người trong sáng. Có người tuy thọ pháp Nhất thực, trong bữa ăn tha hồ ăn no, bụng đầy hơi trướng, ngủ nghỉ cho nhiều, nửa ngày không tiêu, ngăn tu đạo pháp, cho nên phải tiết lượng (giảm bớt). Ăn nhiều lại thêm nhiều phiền não, khó khuất phục được, vì thế phải tiết lượng. Lại nữa, hành giả vì cầu pháp thân, bỏ dần thân do ăn uống, do đó phải tiết lượng. Tiết lượng đến bao nhiêu? Hễ mình nhận ba phần, thì dành lại một phần bố thí cho chim, thú, còn lại thì mình ăn, để được chút ít lợi ích. Có chỗ nói sau giờ Ngọ không uống nước trái cây, có người tuy giảm bớt lượng ăn uống nhưng còn tham vị, sau giờ Ngọ uống các thứ nước như: nước trái cây, nước đường, nước đường phèn v.v... Vì cầu nhiều nước đến nỗi tà mạng uống công phước đạo, do đó không uống, lại quán xét nạn buồng lung của tâm này, như ngựa không ghìm dây cương, ăn cỏ hai bên không thể chạy nhanh, nếu dùng hàm sắt và dây cương thì mới có thể nhanh chóng theo ý của người mà đi, vì thế không uống.

- Chỗ ở đúng thì có sáu:

1. Ở chỗ A-lan-nhã.
2. Ở trũng gian (ở chỗ gò má).
3. Ở dưới gốc cây.
4. Ở chỗ đất trống.
5. Thường ngồi.
6. Ngồi ở bất cứ chỗ nào.

- A-lan-nhã: Hán dịch là không nhân xứ. Như Tạp Tâm chép: một cung có bốn khuỷu tay, cách thôn xóm năm trăm cung gọi là một Cu-lô-xá, phần nửa gọi là chỗ A-lan-nhã, tính chừng ba dặm, người tu hạnh đầu-đà ở gần nhất là chừng ấy, nếu được xa càng tốt. Vì sao ở đây? Hành giả khởi niệm: Xưa ta ở nhà trói buộc với cha mẹ, bà con, nay đã xuất gia thì phải dứt bỏ, nếu trở lại thầy, trò, bạn đồng học, người tri thức kết trước, thì không khác thế tục, vì thế nên phải dứt bỏ mà ở chỗ Lan-nhã (vắng lặng), lại làng xóm thì nam nữ lẫn lộn, nhiễm đời càng nhiều, không nên ở trong đó, lại ở gần làng xóm âm thanh ồn ào chướng ngại ý tu định.

- Nói trũng gian: Trũng gian (gò má) có nhiều cây chết, thối nát, sinh lên, hôi thối, thấy hôi thối dễ nhập vào pháp quán Bất - tịnh, lại gò má cây chết hư hoại, do thú ăn, lửa đốt, chia lìa tiêu mất, thấy thì dễ nhập vào pháp quán vô thường; lại nữa, ở gò má xương người chết tan tác nhiều nơi, thấy rồi dễ nhập vào quán không, vô ngã, vì thế mà ở gò má.

- Nói dưới gốc cây: Trước ở gò má quán sát cây chết đắc đạo rồi,

cho nên bỏ gò mả mà đi đến dưới gốc cây; lại trước ở gò mả nhiếp lấy tướng thân chết, nhưng chỗ kia có nhiều người khóc lóc v.v... Các tiếng làm chướng ngại việc tu tập chỉ - quán, vì thế đến dưới gốc cây buộc niệm tư duy quán sát; lại bóng cây che mát đồng với nửa căn nhà, an thân tu đạo, do đó ở dưới gốc cây, các Phật, Thánh, Hiền đấng đạo chứng quả phần nhiều đều nương dưới gốc cây, cho nên ở dưới gốc cây.

- Ngồi chỗ đất trống: dưới bóng cây ẩm thấp ngồi lâu gây ra bệnh, vì thế đến chỗ đất trống, lại dưới cây có nhiều tiếng chim sẻ, ồn ào làm trở ngại ý tu “định”, do đó ở chỗ đất trống, lại hành giả ở lâu dưới cây sanh tâm đấm trước cây đó, hoặc lại phân biệt đây tốt kia xấu, để trừ tai hại ấy cho nên phải bỏ cây mà đến chỗ đất trống, hiển hiện ra rõ ràng nên gọi là vô ngại; lại ánh trăng ở chỗ đất trống soi chiếu tâm tướng trong suốt, dễ nhập định, do đó ở chỗ đất trống.

- Thường ngồi: Trong bốn oai nghi, đi và đứng thì rất khổ, nằm thì quá vui, ngồi, có thể chịu được dài lâu, cho nên phải thường ngồi, lại đi, đứng tâm bị xao động khó có thể nhiếp giữ, nằm thì mê man trong sự ngủ nghỉ, ngồi tránh được mê man xao động, vì thế phải thường ngồi, lại người cầu đạo, việc lớn chưa xong, các giặc phiền não thường rình rập chờ lúc người buông lung, do vậy không nên nằm mà phải thường ngồi, lại nữa, ngồi nhiều thức ăn dễ tiêu hóa, hơi thở điều hòa, do đó phải thường ngồi.

- Ngồi ở bất cứ chỗ nào: hễ chỗ nào có chỗ thuận tiện thì ngồi, nên gọi là ngồi bất cứ ở chỗ nào.

Theo cách chia chi tiết thì có mười sáu thứ này. Kinh, luận căn cứ vào sự ẩn, hiện mà phối hợp, nói có mười hai, nương vào Luật tứ phần: Y thì có hai, Ăn có bốn, Ở có sáu, hiệp lại thành mười hai.

- Y được có hai: 1. Đắp y vá; 2. Đắp ba y, ngoài ra đều không nói.

- Ăn được có bốn:

1. Khất thực.
2. Bất làm pháp dư thực mà ăn.
3. Ngồi ăn trong một oai nghi.
4. Nhất sửy thực.

Thứ lớp khất thực đã thuộc về khất thực, cái gọi là sau giờ ngo không uống nước (trái cây) đã thuộc về Nhất tọa thực, cho nên không nói riêng.

- Ở có sáu, đồng như trên đã nói.

Theo Kinh Thập nhị: y có ba, ăn có ba, ở có sáu, hiệp lại thành

mười hai.

- Y có ba:

1. Đắp y Phấn tảo.
2. Đắp y Bông tơ (lông thú).
3. Đắp ba y; các thứ khác đều không nói.

- Ăn có ba: đó là Khất thực, Nhất tọa thực, Nhất sửu thực, ngoài ra không nói, thứ lớp khất thực thuộc về khất thực, bất làm pháp dư thực mà ăn và sau giờ ngọ không uống nước trái cây ép thuộc về nhất tọa thực.

- Ở có sáu chỗ, giống như trên.

Trong luận Đại trí độ nói mười hai, lại khác với trước: y có hai là: Đắp nạp y và đắp ba y, giống nhau với Tứ phần luật, ăn có năm:

1. Khất thực.
2. Thứ lớp khất thực.
3. Ngồi ăn trong một oai nghi.
4. Tiết lượng thực.
5. Sau giữa ngày không uống nước trái cây ép.

Không làm phép dư thực thuộc về nhất tọa thực, không có lập riêng. Trong chỗ ở có năm, trừ ngồi bất cứ chỗ nào, các thứ khác như trên. Nếu y theo như trên đã nói mà tu hành thì gọi là “Tịnh mạng nhân” (người nuôi mạng sống thanh tịnh). Hoặc, tuy là y theo như trên đã nói như thế, nhưng cầu danh lợi cũng gọi là người bất tịnh hạnh, cũng là người sống bằng tà mạng, cũng là tên giặc nguy hiểm trong Phật pháp, vì thế kinh nói: Các loài quỷ thấy người này thì quét sạch dấu chân của người này. Chính là nghĩa ấy. Nói về hạnh Tịnh mạng đã xong.

Dưới đây nói tà mạng bất tịnh hạnh. Tà mạng có bốn thứ:

1. Phương khẩu thực.
2. Ngưỡng khẩu thực.
3. Di khẩu thực.
4. Hạ khẩu thực.

- Luận Thập trụ thứ hai chép: Tà mạng có năm pháp:

1. Kiểu dị.
2. Tự thân.
3. Kích động.
4. Ngưỡng dương.
5. Nhân lợi cầu lợi.

- Kiểu dị: là có người tham cầu lợi dương, nên làm ra vẻ A-luyện-nhã, hoặc mặc áo vá, hoặc thường khất thực, hoặc nhất tọa thực, hoặc

thường ngồi, hoặc sau giờ Ngọ không uống nước trái cây ép, thọ những hạnh đầu-đà như vậy, chỉ cần khởi niệm ấy, người tu hạnh ấy được cung kính cúng dường, ta tu hạnh ấy có lẽ cũng được như vậy. Vì lợi dưỡng cho nên thay đổi oai nghi, gọi là “kiểu dị”.

- Tự thân: Có người tham lợi dưỡng đến nhà đàn việt nói rằng: Tôi cũng như cha mẹ, anh em, chị em, bà con của quý vị không khác, nếu có cần việc gì tôi sẽ giúp cho, nếu có làm gì ta sẽ làm, tôi không kể xa gần sẽ đến thăm hỏi, tôi đây chính là vì giúp cho mà thôi, vì cầu cúng dường tham đắm đàn việt, hay dùng lời nói để lấy lòng người, những việc như thế gọi là “tự thân”.

- Kích động: Có người không nghĩ đến sự mắc tội, mưu cầu tham lợi, muốn được tài vật, làm bộ khen nói: bát nầy đẹp, hoặc y đẹp, hoặc móc cửa đẹp, hoặc đồ ngồi đẹp, nếu tôi được thì sẽ thọ dụng. Lại nói, tùy ý cúng dường người nầy khó được, lại đến nhà đàn việt nói rằng: nhà ông cơm canh, bánh trái đầy đủ thơm ngon, y phục lại đẹp, thường cúng dường tôi, tôi là bà con thân cũ, chắc chắn sẽ được cho, hiện bày tướng tham như thế gọi là kích động.

- Ưc dương: Có người tham lợi dưỡng cho nên nói với đàn việt rằng, ông quá keo lẩn, đối với cha, mẹ, anh, em, chị em, vợ, con, giòng họ còn không thể cho, thì cho ai được? Đàn việt hổ thẹn cố gắng gượng thí cho; lại đến nhà khác nói rằng, ông có phước đức được làm thân người không nghèo đói, bậc A-la-hán thường vào ra nhà ông, ông cùng vị ấy chuyện trò tới lui. Đàn việt nghĩ rằng, đâu còn người nào ra vào nhà ta, sẽ nói rằng “chính ta”, ấy gọi là ngưỡng dương.

- Nhân lợi cầu lợi: Có người vì tiền của vật chất sinh sống như y, hoặc bát, đại y, hoặc đồ ngồi v.v... bèn đến nói với người rằng, hoặc vua, cùng hàng với vua và các quý nhân cho tôi vật ấy, nghĩ rằng, đàn việt có thể sinh tâm là các vua, quý nhân kia, còn cúng dường, hưởng gì ta lại không cúng dường, người kia nhân vì lợi nầy lại xin lợi khác, do đó gọi là nhân lợi cầu lợi.

- Nếu thuận theo các Đức Phật, Bồ-tát thực hạnh. Người tu hành đem tâm bày tỏ với Phật, đem thân tâm nầy hướng về người, súc sanh, lại xoay về bức vách như mặt người, không tạo điều ác Phật vui mừng, vì thế nói thuận theo hạnh quả Phật, Bồ-tát.

- Đối với lời nói chân chánh thí tin hiểu vững chắc: nghĩa là chân ngôn nầy biết từ pháp giới thanh tịnh lưu xuất, dùng năng lực trí tuệ vững chắc như Kim cương không lay động để tin hiểu.

- Có năng lực trí tuệ thanh tịnh, có khả năng chịu đựng: Biết thân

tâm này do vọng tưởng khởi, vọng tưởng dừng nghỉ như tằm thứ gió giữa bầu trời, thổi qua không lay động cho nên nói năng lực trí tuệ có khả năng chịu đựng.

- Tinh tấn, không cầu các thế gian: là xả bỏ danh lợi giống như đám dãi, tâm không nhìn lui như cây thối, thẳng cầu Thập địa như cứu lửa cháy đầu, vì thế nói tinh tấn không tìm cầu thế gian.

- Thường vui vững chắc không yếu hèn: tinh tấn mạnh mẽ như Kim cương, thuận theo mà không thua như sư tử, đó là vững chắc không yếu hèn.

- Hiện pháp tự tha được thành tựu: Thấy người được lợi như mình được, nếu thấy thân mình được lợi nhất định cho người, vì thế nói mình và người đều được thành tựu.

- Không theo các trời khác, nương vô úy: Tâm trú ở “Bổn tôn”, nghe khen ngợi các vị trời mà không lay động, chỉ thẳng tiến tu, do đó nói không theo các trời khác chỉ nương bậc Vô - úy.

- Đầy đủ những điều này gọi là bạn lành giúp đỡ: Tất cả điều lành thế gian xuất thế gian, phàm Thánh trông thấy đều vui mừng, cho nên nói đầy đủ những điều này gọi là bạn lành giúp đỡ.
